

Số: 70 /QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 10 tháng 01 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Liên hiệp các tổ chức
hữu nghị tỉnh Đắk Lắk khóa II, nhiệm kỳ 2016-2021

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ;

Xét Tờ trình số 234/TTr-LH ngày 15/12/2016 của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh Đắk Lắk về việc đề nghị phê duyệt Điều lệ Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh Đắk Lắk khóa II, nhiệm kỳ 2016-2021;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 823/TTr-SNV ngày 28/12/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

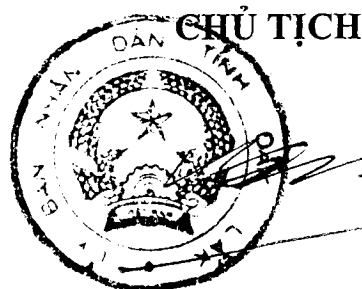
Điều 1. Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh Đắk Lắk khóa II, nhiệm kỳ 2016-2021, gồm 07 Chương, 21 Điều đã được Đại hội Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh Đắk Lắk thông qua ngày 09/12/2016 (có Điều lệ kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

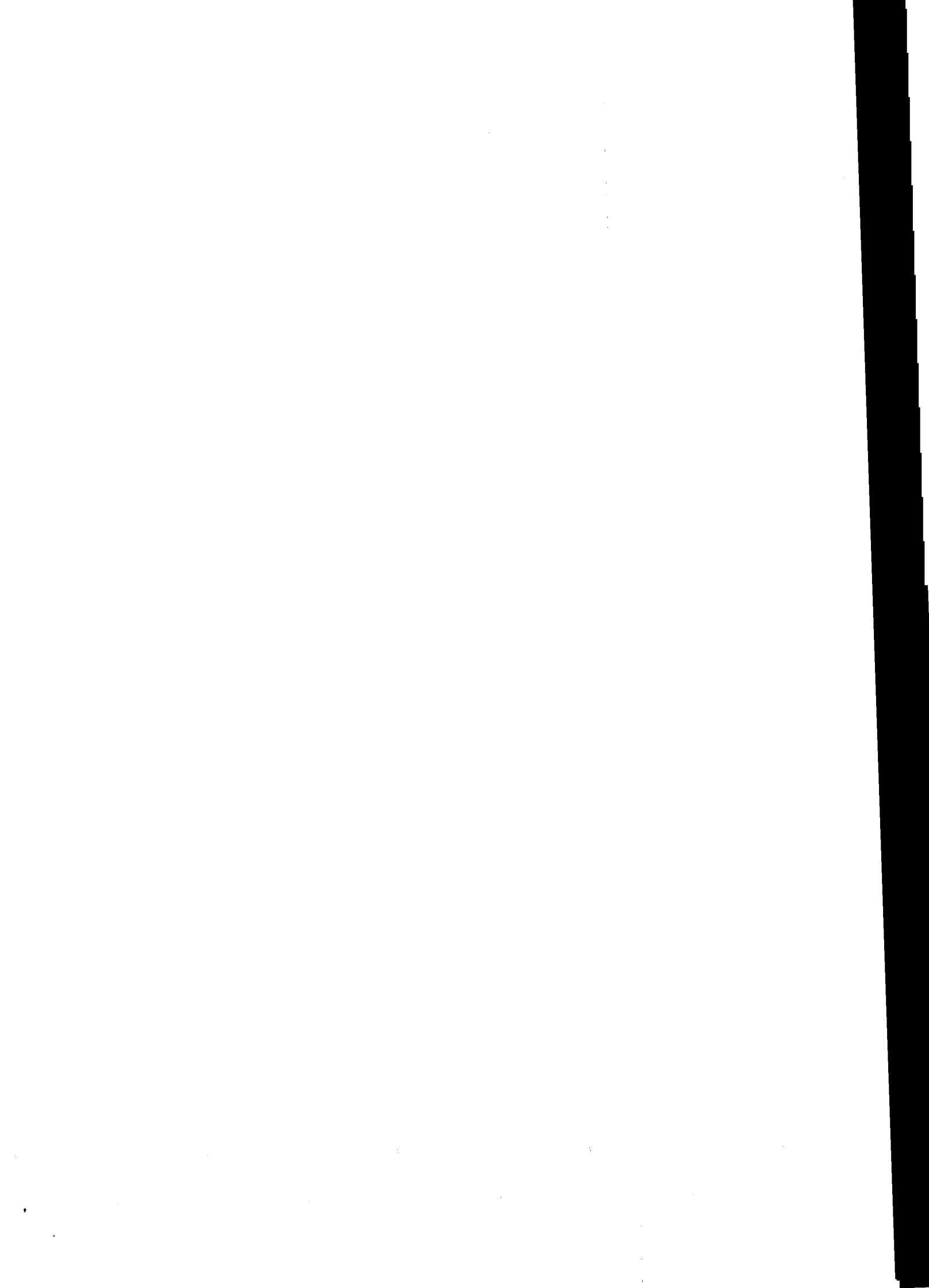
Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan và Chủ tịch Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh Đắk Lắk chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như điều 3;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH (Ph 15b).



Phạm Ngọc Nghị



ĐIỀU LỆ (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG)
Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh Đắk Lắk
Khóa II, nhiệm kỳ 2016 - 2021

(Kèm theo Quyết định số: 70 /QĐ-UBND ngày 10/01/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi

1. Tên tiếng Việt: Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh Đắk Lắk.
2. Tên viết tắt tiếng Việt: Liên hiệp hữu nghị.
3. Tên tiếng Anh: The Dak Lak Union of Friendship Organizations.
4. Tên viết tắt tiếng Anh: DUFO

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

Liên hiệp hữu nghị là tổ chức chính trị - xã hội chuyên trách hoạt động đối ngoại nhân dân trong lĩnh vực hòa bình, đoàn kết, hữu nghị và hợp tác giữa nhân dân tỉnh Đắk Lắk với nhân dân các nước, các tổ chức phi Chính phủ nước ngoài vì mục tiêu hòa bình, đoàn kết cùng phát triển.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức và phạm vi hoạt động

1. Nguyên tắc tổ chức

a) Liên hiệp hữu nghị được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hiệp thương dân chủ và tuân thủ luật pháp của Nhà nước, chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh ủy và quản lý nhà nước của UBND tỉnh.

b) Liên hiệp hữu nghị là thành viên của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Đắk Lắk đồng thời là thành viên của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam.

c) Liên hiệp hữu nghị có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng, được Nhà nước đảm bảo kinh phí theo số biên chế được giao, cơ sở vật chất và phương tiện hoạt động để thực hiện nhiệm vụ.

d) Trụ sở Liên hiệp hữu nghị đóng tại thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

2. Phạm vi hoạt động

Liên hiệp hữu nghị hoạt động trong lĩnh vực đối ngoại nhân dân trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Chương II NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 4. Nhiệm vụ

1. Tiến hành các hoạt động nhằm:

- Giới thiệu, tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; giới thiệu hình ảnh của tỉnh Đắk Lắk với bạn bè và cộng đồng quốc tế để tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau, củng cố và phát triển tình đoàn kết, hữu nghị; cổ vũ và hỗ trợ sự hợp tác giao lưu về kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật và các lĩnh vực khác giữa nhân dân tỉnh Đắk Lắk với nhân dân các nước;

- Tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ rộng rãi của nhân dân thế giới đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc của nhân dân Việt Nam nói chung và nhân dân tỉnh Đắk Lắk nói riêng. Ủng hộ sự nghiệp chính nghĩa của nhân dân các nước, góp phần vào sự nghiệp chung vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, công bằng và tiến bộ xã hội.

2. Là đầu mối liên hệ với các cơ quan Trung ương, với Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam trong việc vận động và điều phối viện trợ các tổ chức hòa bình, đoàn kết, hữu nghị, các tổ chức phi Chính phủ và cá nhân ở nước ngoài nhằm góp phần vào việc phát triển kinh tế - xã hội, cứu trợ nhân đạo, bảo vệ môi trường ở tỉnh Đắk Lắk.

3. Phối hợp với cơ quan hữu quan nghiên cứu, đề xuất trình UBND tỉnh xem xét giải quyết những vấn đề liên quan đến các tổ chức hòa bình, đoàn kết, hữu nghị, các tổ chức phi Chính phủ và cá nhân ở nước ngoài; các vấn đề liên quan đến chương trình, dự án, viện trợ của các tổ chức phi Chính phủ và cá nhân nước ngoài trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

4. Hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức thành viên trong hoạt động hòa bình, đoàn kết, hữu nghị, hợp tác quốc tế và công tác phi Chính phủ nước ngoài. Thực hiện tư vấn, giám sát và phản biện xã hội, các chương trình, đề án liên quan đến đối ngoại nhân dân do cấp thẩm quyền giao.

5. Tham mưu đề xuất với UBND tỉnh biểu dương, khen thưởng các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước có đóng góp tích cực cho công tác đối ngoại nhân dân vì hòa bình, đoàn kết, hữu nghị, hợp tác và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

6. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được các cấp có thẩm quyền giao.

Điều 5. Quyền hạn

1. Thiết lập các mối quan hệ hòa bình, hữu nghị, hợp tác phát triển với các tổ chức tương ứng, các tổ chức phi Chính phủ và cá nhân nước ngoài hoạt động tại Việt Nam; được cử các đoàn của Liên hiệp hữu nghị và các tổ chức thành viên ra nước ngoài và đón các cá nhân, tổ chức tương ứng nước ngoài vào tỉnh Đắk Lắk theo quy định hiện hành của Nhà nước Việt Nam và của UBND tỉnh Đắk Lắk.

2. Tham gia góp ý về xây dựng các chủ trương, chính sách, các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến công tác đối ngoại nhân dân; thực hiện một số hoạt động quản lý Nhà nước, dịch vụ công thuộc lĩnh vực hoạt động đối ngoại nhân dân theo quy định của pháp luật và được cung cấp thông tin theo quy định.

3. Được đóng góp ý kiến và tham dự các cuộc họp có liên quan đến hoạt động đối ngoại do Tỉnh ủy, UBND tỉnh triệu tập. Tự vấn giám sát và phản biện xã hội các chính sách, chương trình đề tài, dự án do các sở, ban, ngành, đoàn thể, UBND các huyện, thị xã, thành phố của tỉnh về các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động đối ngoại nhân dân.

4. Kiến nghị với UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố trong việc thành lập hoặc giải thể các tổ chức đoàn kết, hòa bình, hữu nghị. Đề xuất các biện pháp chấn chỉnh, xử lý đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động trái với Điều lệ, vi phạm pháp luật Việt Nam.

Chương III

CÁC TỔ CHỨC THÀNH VIÊN

Điều 6. Tiêu chuẩn tổ chức thành viên

Các tổ chức tình nguyện hoạt động, hướng vào mục tiêu vì hòa bình, hữu nghị, hợp tác giữa nhân dân tỉnh Đắk Lắk với nhân dân các nước trên thế giới, tán thành Điều lệ của Liên hiệp hữu nghị, tự nguyện tham gia công tác theo sự phân công của Liên hiệp hữu nghị đều được tham gia làm tổ chức thành viên của Liên hiệp.

Điều 7. Nghĩa vụ của Thành viên

1. Chấp hành Điều lệ của Liên hiệp hữu nghị, tuân thủ sự hướng dẫn về chủ trương, phương hướng hoạt động và chịu sự kiểm tra của Ban Chấp hành Liên hiệp hữu nghị.

2. Thực hiện các chương trình, kế hoạch đối ngoại nhân dân và vận động viên trợ phi Chính phủ nước ngoài của Liên hiệp hữu nghị; phối hợp, giúp đỡ các tổ chức khác trong Liên hiệp hữu nghị.

Điều 8. Quyền hạn của thành viên

1. Được đề cử, giới thiệu đại diện của tổ chức vào cơ quan lãnh đạo của Liên hiệp hữu nghị.

2. Tham gia xây dựng và thông qua phương hướng, chương trình, kế hoạch hoạt động của Liên hiệp hữu nghị.

3. Được Liên hiệp hữu nghị tạo điều kiện giúp đỡ trong hoạt động như hỗ trợ thông tin, bồi dưỡng cán bộ, hướng dẫn nghiệp vụ và bảo vệ các quyền lợi chính đáng có liên quan đến chức năng nhiệm vụ của Liên hiệp hữu nghị.

4. Được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Chương IV CƠ CẤU TỔ CHỨC BỘ MÁY

Điều 9. Tổ chức của Liên hiệp

1. Liên hiệp hữu nghị gồm các thành viên, các tổ chức hữu nghị song phương, đa phương được thành lập theo đúng quy định của pháp luật hiện hành Việt Nam.

2. Cơ cấu tổ chức bộ máy gồm có: Đại hội Đại biểu Liên hiệp hữu nghị; Ban Chấp hành Liên hiệp hữu nghị; Ban Thường vụ Liên hiệp hữu nghị; Ban Kiểm tra Liên hiệp hữu nghị; Cơ quan Thường trực Liên hiệp hữu nghị.

Điều 10. Đại hội đại biểu của Liên hiệp

1. Đại hội đại biểu của Liên hiệp hữu nghị là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Liên hiệp hữu nghị. Nhiệm kỳ của Đại hội là 05 năm. Đại hội được coi là hợp lệ khi có mặt trên 2/3 tổng số đại biểu được triệu tập.

2. Đại hội đại biểu có các nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

- Thông qua báo cáo kết quả hoạt động của Ban Chấp hành trong nhiệm kỳ qua; Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành Liên hiệp hữu nghị; Quyết định nhiệm vụ, phương hướng, chương trình hoạt động trong nhiệm kỳ mới của Liên hiệp hữu nghị;

- Biểu quyết thông qua Điều lệ Liên hiệp hữu nghị hoặc biểu quyết sửa đổi, bổ sung Điều lệ Liên hiệp hữu nghị, thay đổi tên gọi của tổ chức (nếu có) để trình UBND tỉnh quyết định;

- Hiệp thương biểu quyết thông qua danh sách Ban Chấp hành Liên hiệp hữu nghị theo đề cử của Ban Chấp hành nhiệm kỳ trước;

- Thông qua việc chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Liên hiệp hữu nghị để đề nghị UBND tỉnh quyết định;

- Thảo luận và thông qua quyết toán tài chính nhiệm kỳ cũ, kế hoạch tài chính nhiệm kỳ mới của Liên hiệp hữu nghị.

3. Đại hội bất thường được triệu tập khi có quá nửa số ủy viên Ban Chấp hành, hoặc khi có 2/3 số thành viên yêu cầu hoặc khi có yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

4. Đại hội nhất trí tán thành và thông qua bằng hình thức biểu quyết giơ tay. Các Quyết định của Đại hội được thông qua khi có nhiều hơn 1/2 số đại biểu chính thức có mặt tán thành.

Điều 11. Ban Chấp hành Liên hiệp

1. Ban Chấp hành Liên hiệp hữu nghị là cơ quan lãnh đạo mọi hoạt động trong thời gian giữa hai kỳ Đại hội Đại biểu của Liên hiệp hữu nghị.

- Ban Chấp hành Liên hiệp hữu nghị gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký và một số uỷ viên khác. Số lượng uỷ viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định.

- Ban Chấp hành hoạt động theo quy chế của Ban Chấp hành, tổ chức họp toàn thể hai lần trong năm theo triệu tập của Chủ tịch Liên hiệp hữu nghị. Khi cần thiết, theo đề nghị của Ban Thường vụ có thể họp bất thường hoặc mở rộng.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn Ban Chấp hành Liên hiệp hữu nghị:

- Quyết định các biện pháp để tổ chức thực hiện Nghị quyết của Đại hội;
- Quyết định kế hoạch, chương trình công tác hàng năm;
- Thông qua kế hoạch, quyết toán hàng năm và nhiệm kỳ của Liên hiệp hữu nghị do Tổng Thư ký hoặc người được giao nhiệm vụ quản lý báo cáo;
- Quy định cụ thể các nguyên tắc, chế độ quản lý, quy chế sử dụng tài chính của Liên hiệp hữu nghị;
- Bầu cử cho thôi và miễn nhiệm các chức danh của Liên hiệp hữu nghị: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký, các uỷ viên Thường vụ, uỷ viên Ban Chấp hành, Trưởng Ban Kiểm tra;
- Quyết định kết nạp, bãi miễn thành viên;
- Quyết định triệu tập Đại hội toàn thể hoặc Đại hội Đại biểu và chuẩn bị nội dung cho Đại hội.

Điều 12. Ban Thường vụ Liên hiệp hữu nghị

1. Ban Thường vụ Liên hiệp hữu nghị là cơ quan thay mặt Ban Chấp hành chỉ đạo hoạt động của Liên hiệp hữu nghị giữa hai kỳ họp của Hội nghị Ban Chấp hành.

- Ban Thường vụ Liên hiệp hữu nghị gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký và một số Ủy viên;

- Ban Thường vụ họp ít nhất 03 tháng một lần, khi cần có thể họp bất thường.

2. Ban Thường vụ có trách nhiệm và quyền hạn sau:

- Cụ thể hóa các Quyết định của Ban Chấp hành và chỉ đạo tổ chức thực hiện các Quyết định đó;

- Kiểm tra việc thực hiện phương hướng, nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch hoạt động của Liên hiệp hữu nghị;

- Chuẩn bị nội dung cho Hội nghị Ban Chấp hành;

- Quyết định chức năng, nhiệm vụ, nhân sự, cơ cấu bộ máy của văn phòng và phòng chuyên môn thông qua chức năng, nhiệm vụ của Tổng Thư ký theo đề nghị của Chủ tịch Liên hiệp hữu nghị;

- Xét đề nghị khen thưởng đối với các tổ chức hòa bình, đoàn kết, hữu nghị, các tổ chức phi Chính phủ, các đơn vị, cá nhân trong và ngoài nước có

đóng góp tích cực cho sự nghiệp hòa bình, đoàn kết, hữu nghị và phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường của tỉnh để trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định khen thưởng.

Điều 13. Ban Kiểm tra

1. Ban Kiểm tra do Ban Chấp hành bầu cử gồm: Trưởng Ban và các Ủy viên. Số lượng Ban Kiểm tra do Ban Chấp hành quyết định. Ban Kiểm tra có cùng nhiệm kỳ với Ban Chấp hành.

Ban Kiểm tra hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành thông qua.

2. Ban Kiểm tra có trách nhiệm và quyền hạn sau:

- Kiểm tra, giám sát các hoạt động của Liên hiệp hữu nghị, các thành viên Liên hiệp hữu nghị trong việc chấp hành Điều lệ, Quy chế và Nghị quyết của Liên hiệp hữu nghị;

- Thông báo cho thành viên về kết quả kiểm tra và những kiến nghị với Ban Chấp hành những vấn đề cần được giải quyết;

- Trưởng Ban Kiểm tra và các thành viên Ban Kiểm tra được dự các kỳ họp của Ban Chấp hành.

Điều 14. Thường trực Liên hiệp

Thường trực Liên hiệp hữu nghị là cơ quan trực tiếp giải quyết các công việc hàng ngày hoạt động của Liên hiệp hữu nghị, bao gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và Tổng Thư ký.

1. Chủ tịch là người đứng đầu Liên hiệp hữu nghị, chịu trách nhiệm trước Tỉnh ủy, UBND tỉnh, trước Ban Thường vụ, Ban Chấp hành, là người chịu trách nhiệm phụ trách chung về mọi hoạt động công tác của Liên hiệp, là chủ tài khoản của Liên hiệp hữu nghị.

2. Phó Chủ tịch Thường trực giúp Chủ tịch Liên hiệp hữu nghị điều hành công việc của Chủ tịch Liên hiệp hữu nghị.

3. Các Phó Chủ tịch theo phân công của Chủ tịch theo từng mảng phụ trách và chịu trách nhiệm công việc của Chủ tịch phân công.

4. Tổng Thư ký giúp Ban Thường vụ tổng hợp theo dõi việc tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch hoạt động của Liên hiệp hữu nghị, chuẩn bị nội dung cho hội nghị các cơ quan lãnh đạo Liên hiệp hữu nghị, giúp Ban Thường trực điều hành quản lý Văn phòng Liên hiệp hữu nghị.

Tổng Thư ký Liên hiệp hữu nghị chịu trách nhiệm về hoạt động trước Ban Thường vụ Liên hiệp hữu nghị, giữ mối liên hệ trực tiếp, thường xuyên với ủy viên Thư ký của các tổ chức thành viên và các thành viên của Liên hiệp hữu nghị.

Điều 15. Văn phòng và Phòng Nghiệp vụ của Liên hiệp

- Bộ phận giúp việc cho cơ quan Thường trực Liên hiệp hữu nghị có: Văn phòng Liên hiệp hữu nghị và Phòng Nghiệp vụ.

- Chức năng, nhiệm vụ Văn phòng và Phòng Nghiệp vụ Liên hiệp hữu nghị do Ban Thường vụ Liên hiệp hữu nghị quy định.

- Văn phòng Liên hiệp hữu nghị: Thực hiện chức năng tham mưu, phục vụ theo sự chỉ đạo của Ban Thường vụ, Thường trực Liên hiệp hữu nghị, đồng thời phục vụ công tác cho các tổ chức thành viên.

- Phòng Nghiệp vụ: Gồm lãnh đạo phòng và các chuyên viên nghiên cứu, tham mưu, giúp Thường trực Liên hiệp hữu nghị chỉ đạo về công tác đối ngoại nhân dân, công tác vận động viện trợ phi Chính phủ nước ngoài; phối hợp tổ chức các sự kiện đối ngoại nhân dân.

Điều 16. Biên chế, chế độ chính sách

1. Liên hiệp hữu nghị được UBND tỉnh giao biên chế công chức hàng năm theo vị trí việc làm phù hợp với mô hình tổ chức, quy mô hoạt động trên cơ sở cân đối biên chế, ngân sách Trung ương hàng năm giao cho tỉnh Đắk Lắk.

2. Đối với cán bộ, công chức được cơ quan có thẩm quyền của Đảng, Nhà nước luân chuyển, điều động về công tác tại cơ quan Thường trực Liên hiệp hữu nghị trong chỉ tiêu biên chế được giao thì việc quản lý, sử dụng, chế độ chính sách được thực hiện theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức.

3. Những người được tuyển dụng, bổ nhiệm làm việc cho cơ quan Thường trực Liên hiệp hữu nghị trong chỉ tiêu biên chế được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao thì việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý, chế độ, chính sách được áp dụng theo quy định của Luật cán bộ, công chức và văn bản hướng dẫn thi hành.

Chương V TÀI SẢN, TÀI CHÍNH

Điều 17. Tài sản và tài chính của Liên hiệp hữu nghị

Tài sản và tài chính của Liên hiệp hữu nghị được hình thành từ các nguồn sau:

1. Nguồn do Ngân sách Nhà nước cấp.
2. Nguồn do các tổ chức thành viên đóng góp.
3. Nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước và các khoản thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 18. Chi phí và quản lý tài sản, tài chính

1. Chi tài chính của Liên hiệp hữu nghị phải đảm bảo đúng nguyên tắc, đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, bao gồm các mục chi: Chi cho các hoạt động thường xuyên, hoạt động chuyên môn của tổ chức Liên hiệp hữu nghị; chi hỗ trợ cho các tổ chức thành viên; chi cho hoạt động thông tin, tuyên truyền, báo chí, xuất bản; chi thi đua, khen thưởng; chi mua sắm trang thiết bị; các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

